TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2024/DS-ST
Ngày 20 - 8 - 2024
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Sim

Ông Nguyễn Minh Trọn

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 349/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2024 về việc "tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 261/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*:

1. Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1961 (có mặt)

2. Chị Võ Cẩm V, sinh năm 1995 (vắng mặt).

3. Anh Huỳnh Văn L, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

4. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau. Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã R, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị L1. Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

Dây hụi thứ nhất: Ngày 06/01/2021 âm lịch, ông Đ làm chủ hụi cùng bà C, anh L,

chị V mở dây hụi giá 500.000đ, 01 tháng khui 02 lần vào ngày 06 và ngày 21 hàng tháng, có 100 phần hụi, bà tham gia 01 phần hụi tạo số thứ tự 97, đứng tên Bà M, việc khui hụi diễn ra trực tiếp tại nhà ông Đ, sau đó ông L, bà V thay nhau đi gom tiền hụi của hụi viên, bà đã góp vào phần hụi này được 80 lần, đến lần thứ 81 thì ông Đ tuyên bố đình hụi mà không nói rõ nguyên nhân cho hụi viên biết. Sau khi đình hụi bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền hụi cho bà và hiện còn nợ: 01 phần x 500.000đ x 80 lần = 40.000.000 đồng.

Dây hụi thứ hai: Ngày 10/01/2023 âm lịch, ông Đ làm chủ hụi cùng bà C, anh L, chị V mở dây hụi giá 1.000.000đ, 01 tháng khui 02 lần vào ngày 10 và ngày 25 hàng tháng, có 65 phần hụi, bà tham gia 05 phần hụi tại số thứ tự 26, 27, 28, 29, 30 đứng tên Bà M, việc khui hụi diễn ra trực tiếp tại nhà ông Đ, sau đó ông L, bà V thay nhau đi gom tiền hụi của hụi viên. Bà đã góp tiền vào 05 phần hụi được 30 lần thì ông Đ tuyên bố đình hụi mà không nói rõ nguyên nhân cho hụi viên biết. Sau khi đình hụi bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền hụi cho bà và hiện còn nợ: 05 phần x 1.000.000đ x 30 lần = 150.000.000 đồng.

Dây hụi thứ ba: Ngày 10/01/2024 âm lịch, ông Đ làm chủ hụi cùng bà C, anh L, chị V mở dây hụi giá 1.000.000đ, 01 tháng khui 02 lần vào ngày 10 và ngày 25 hàng tháng, có 50 phần hụi, bà tham gia 01 phần hụi tại số thứ tự 11 đứng tên 7 Nhỏ, việc khui hụi diễn ra trực tiếp tại nhà ông Đ, sau đó ông L, bà V thay nhau đi gom tiền hụi của hụi viên. Bà đã góp tiền vào phần hụi được 06 lần, đến lần thứ 07 thì ông Đ tuyên bố đình hụi mà không nói rõ nguyên nhân cho hụi viên biết. Sau khi đình hụi bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền hụi cho bà và hiện còn nợ: 01 phần x 1.000.000đ x 06 lần = 6.000.000 đồng.

Các chưng hụi bà tham gia ở dây ngày 06/01/2021 âm lịch và dây ngày 01/10/2023 âm lịch ghi tên Bà M là chị ruột bà tên Nguyễn Thị L1 do trước đây bị đơn rủ hụi thông qua bà L1 nên ghi chung là Bà M nhưng thực tế bà là người tham gia.

Tổng cộng các phần hụi, bị đơn còn nợ bà 196.000.000 đồng và yêu cầu ông Đ trả số tiền nêu trên cho bà, không yêu cầu nghĩa vụ trả nợ của bà C, chị V, anh L.

Bị đơn ông Đ trình bày:

Ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà N, khi tham gia hụi đều ghi tên hụi viên là Bà M, trường hợp bà L1 đồng ý các chưng hụi nêu trên là của bà N và bà L1 không có liên quan gì, không có yêu cầu gì về sau thì ông đồng ý trả số tiền theo yêu cầu của bà N, ông có nghĩa vụ trả số tiền trên, không yêu cầu trách nhiệm của bà C, anh L, chị V.

Bà L1 trình bày:

Trước đây anh L là con ông Đ có rủ bà tham gia hụi nên bà có tham gia và có tham gia dùm cho bà N một số chưng hụi cụ thể:

Dây hụi ngày 10/01/2023 âm lịch, bà tham gia dùm bà N 05 phần hụi tại số thứ tự 26, 27, 28, 29, 30, ghi tên là Bà M nhưng thực tế các chưng hụi này là của bà N tham gia, bà N là người trực tiếp đóng tiền.

Dây hụi ngày 06/01/2021 âm lịch, bà tham gia dùm cho bà N 01 chưng hụi

số thứ tự 97, ghi tên là Bà M nhưng thực tế chưng hụi này là của bà N tham gia, bà N là người trực tiếp đóng

Bà đồng ý việc bà N khởi kiện, bà không có liên quan gì đến chưng hụi này, bà sẽ không có yêu cầu gì về sau.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu ông Đ trả số tiền 196.000.000 đồng, các đương sự không thống nhất nhau về nghĩa vụ chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà C, anh L, chị V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hụi thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Tại phiên tòa các đương sự thống nhất, nguyên đơn có tham gia hụi do ông Đ làm chủ hụi cụ thể:

Hụi mở ngày 06/01/2021 âm lịch loại 500.000đ, có 100 phần hụi, bà N tham gia 01 phần hụi tạo số thứ tự 97, đứng tên Bà M, hụi đình tại kỳ 81.

Hụi mở ngày 10/01/2023 âm lịch, loại hụi 1.000.000đ, có 65 phần hụi, bà N tham gia 05 phần hụi tại số thứ tự 26, 27, 28, 29, 30 đứng tên Bà M, hụi đình ở kỳ 30.

Hụi mở ngày 10/01/2024 âm lịch, loại hụi 1.000.000đ, có 50 phần hụi, bà N tham gia 01 phần hụi tại số thứ tự 11 đứng tên 7 Nhỏ, hụi đình ở kỳ thứ 6.

Tổng số tiền ông Đ còn nợ bà N là 196.000.000 đồng, ông Đ thống nhất số tiền nợ và đồng ý trả theo yêu cầu của nguyên đơn. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu ông Đ có nghĩa vụ trả, không yêu cầu trách nhiệm của bà C, chị V, anh L, ông Đ thống nhất với yêu cầu này, đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên được chấp nhận.

Đối với bà L1 thống nhất các chưng hụi nêu trên là của bà N nên bà không có liên quan gì đến các chưng hụi này.

Do các đương sự đã thỏa thuận với nhau nên Hội đồng xét xử ghi nhận, buộc ông Đ phải trả cho bà N 196.000.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tại phiên tòa các đương sự không thống nhất về nghĩa vụ chịu án phí. Xét thấy, do chấp nhận yêu cầu của bà N nên ông Đ phải chịu án phí theo quy định, ông Đ được miễn do thuộc trường hợp là người cao tuổi.

Bà N không phải chịu nên được nhận lại số tiền đã dự nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Buộc ông Huỳnh Văn Đ có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 196.000.000 đồng (Một trăm chín mươi sáu triệu nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Huỳnh Văn Đ được miễn.

- Bà Nguyễn Thị N không phải chịu, hoàn trả lại cho bà N 4.900.000 đồng (Bốn triệu chín trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003692 ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7,b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Sim **Nguyễn Minh Trọn** **Hồ Dũng Liêm**